

Số: 06/2018/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 05 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Xác định chiều sâu vành đai biên giới và xác lập
vùng cấm trong khuvực biên giới tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ SÁU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của
Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ
nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BQP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ
trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số
34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực
biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Xét Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban
nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết xác định chiều sâu vành đai biên giới
và xác lập vùng cấm trong khu vực biên giới tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số
37/BC-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác định chiều sâu vành đai biên giới và xác lập vùng cấm trong
khuvực biên giới tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

1. Xác định chiều sâu vành đai biên giới.

a) Có 03 đoạn vành đai biên giới (31,5km), (đoạn 01, đoạn 02 và đoạn 04
trong Phụ lục I) có chiều sâu từ 100m đến 1.000m.

b) Có 02 đoạn vành đai biên giới (41,5km), (đoạn 03 và đoạn 05 trong
Phụ lục I) có chiều sâu từ trên 1.000m đến 4.030m.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Xác lập vùng cấm trong khuvực biên giới

Trên toàn tuyến biên giới của tỉnh Đắk Lắk, xác lập 13 vùng cấm do Bộ
Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh quản lý.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)



Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này:

a) Quyết định chiều sâu đối với 03 đoạn vành đai biên giới tại Điểm a Khoản 1 Điều 1; báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với 02 đoạn vành đai biên giới tại Điểm b Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 43/2015/TT-BQP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Quyết định nội quy quản lý đối với vùng cấm theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 43/2015/TT-BQP của Bộ Quốc phòng.

c) Thống nhất với Bộ Quốc phòng vị trí cấm các loại biển báo trong khu vực biên giới theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 34/2014/NĐ-CP.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, bảo đảm nguồn kinh phí và tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định hiện hành.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài hoạt động trong vành đai biên giới và vùng cấm trong khu vực biên giới tỉnh Đắk Lắk phải chấp hành nghiêm túc Nghị định số 34/2014/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 43/2015/TT-BQP của Bộ Quốc phòng, Nghị quyết này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khóa IX, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 05 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Sở Tư pháp; Sở Ngoại vụ;
- BCH BDBP tỉnh; BCH QS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk;
- Công báo tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, Ct.HĐND.



Y Biêr Niê

PHỤ LỤC I:

Xác định chiều sâu vành đai biên giới của tỉnh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 06/2018/NQ-HĐND

Ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

(Các tọa độ được sử dụng trong văn bản này đã được chuyển đổi về lưới ô vuông múi 48 hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, múi chiều 6⁰; tọa độ trục Y là 05 số đứng trước, tọa độ trục X là 05 số đứng sau và để trong ngoặc đơn (Y X) trong toàn bộ văn bản).

1. Đoạn 01: Đoạn biên giới của tỉnh từ điểm tiếp giáp với tỉnh Gia Lai có tọa độ (72810 81996) thuộc xã Ia Rvê - huyện Ea Súp nằm trên đường biên giới theo Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia năm 1985 bổ sung năm 2005 (gọi tắt là Hiệp ước bổ sung năm 2005) đến Mốc 42 tọa độ (58375 76979) thuộc xã Ea Bung - huyện Ea Súp có độ dài 15,5km.

Vành đai biên giới là phần lãnh thổ tính từ đường biên giới theo Hiệp ước bổ sung năm 2005 vào nội địa của Việt Nam giáp với mép Tây đường tuần tra biên giới (Quốc lộ 14C cũ), có chiều sâu từ 100m đến 1.000m.

2. Đoạn 02: Đoạn biên giới từ Mốc 42 tọa độ (58375 76979) đến Mốc 43 tọa độ (52072 74542) thuộc xã Ea Bung - huyện Ea Súp có độ dài 07km.

Vành đai biên giới là phần lãnh thổ tính từ đường biên giới theo Hiệp ước bổ sung năm 2005 vào nội địa của Việt Nam giáp với mép Tây Quốc lộ 14C mới, có chiều sâu từ 100m đến 1.000m.

3. Đoạn 03: Đoạn biên giới từ Mốc 43 tọa độ (52072 74542) thuộc xã Ea Bung - huyện Ea Súp đến Mốc 44 tọa độ (41576 70477) thuộc xã Krông Na - huyện Buôn Đôn có độ dài 11,5km.

Vành đai biên giới là phần lãnh thổ tính từ đường biên giới theo Hiệp ước bổ sung năm 2005 vào nội địa của Việt Nam giáp với mép Tây Quốc lộ 14C mới, có chiều sâu từ trên 1000m đến 4.030m (thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ).

4. Đoạn 04: Đoạn biên giới (đã phân giới) từ Mốc 44 tọa độ (41576 70477) đến điểm có tọa độ (35950 71450) thuộc xã Krông Na - huyện Buôn Đôn có độ dài 09km.

Vành đai biên giới là phần lãnh thổ tính từ đường biên giới (đã phân giới) vào nội địa của Việt Nam giáp với mép Tây Quốc lộ 14C, có chiều sâu từ 100m đến 1.000m.

5. Đoạn 05: Đoạn biên giới (đã phân giới) từ điểm có tọa độ (35950 71450) đến điểm tiếp giáp với tỉnh Đắk Nông tại tọa độ (16100 77750) thuộc xã Krông Na - huyện Buôn Đôn có độ dài 30km.

Vành đai biên giới là phần lãnh thổ tính từ đường biên giới (đã phân giới) vào nội địa của Việt Nam giáp với mép Tây Quốc lộ 14C, có chiều sâu từ trên 1.000m đến 2.210m (thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ./.



Phụ lục 02. Xác lập vùng cấm trong khu vực biên giới của tỉnh
(Kèm theo Nghị quyết số: 06/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Trên toàn tuyến biên giới của tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng nhân dân tỉnh xác lập tổng cộng gồm 13 khu vực vùng cấm do Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh quản lý, cụ thể như sau:

1. Vùng cấm thuộc xã Ia Rvê - huyện Ea Súp, gồm 02 khu vực sau:

- Vùng cấm thuộc khu vực biên giới Đồn Biên phòng Ea H'leo (735) quản lý: Xác lập 01 khu vực vùng cấm gồm 05 vị trí biển báo có tọa độ sau: (69620 84000); (69745 83400); (69450 82870); (68900 83000); (69000 83629)

- Vùng cấm thuộc khu vực biên giới Đồn Biên phòng Ia Rvê (737) quản lý: Xác lập 01 khu vực vùng cấm gồm 04 vị trí biển báo có tọa độ sau (65900 83000); (65650 82250); (65200 82000); (65000 82620)

2. Vùng cấm thuộc xã Ea Bung - huyện Ea Súp, gồm 04 khu vực sau:

- Vùng cấm thuộc khu vực biên giới Đồn Biên phòng Cửa khẩu Đăk Ruê (739) quản lý: Xác lập 02 khu vực vùng cấm

+ Khu vực 1: Gồm 05 vị trí biển báo có tọa độ sau: (55020 81750); (55020 81250); (54500 81100); (54200 81250); (54350 81900).

+ Khu vực 2: Gồm 04 vị trí biển báo có tọa độ sau: (56927 77590); (56925 77920); (57415 77463); (57120 77380).

- Vùng cấm thuộc khu vực biên giới Đồn Biên phòng Yok M'bre (741) quản lý: Xác lập 02 khu vực vùng cấm

+ Khu vực 1: Gồm 04 vị trí biển báo có tọa độ sau: (48750 78000); (48800 77000); (48250 77000); (48000 78000).

+ Khu vực 2: Gồm 05 vị trí biển báo có tọa độ sau: (48945 75845); (48512 76147); (48537 73440); (48021 76278); (47200 73500).

3. Vùng cấm thuộc xã Krông Na - huyện Buôn Đôn, gồm 07 khu vực sau:

- Vùng cấm thuộc khu vực biên giới Đồn Biên phòng Sê Rê Pôk (743) quản lý: Xác lập 02 khu vực vùng cấm.

+ Khu vực 1: Gồm 06 vị trí biển báo có tọa độ sau: (40175 72291); (40143 72431); (40348 72442); (40213 72106); (41833 72583); (40932 72183).



+ Khu vực 2: Gồm 05 vị trí biển báo có tọa độ sau: (41300 74900); (41500 74156); (41000 73900); (40653 74244); (41000 75136).

- Vùng cấm thuộc khu vực biên giới Đồn Biên phòng Bo Heng (747) quản lý: Xác lập 01 khu vực vùng cấm gồm 03 vị trí biển báo có tọa độ sau: (29842 74258); (30384 73960); (29863 73638)

- Vùng cấm thuộc khu vực biên giới Đồn Biên phòng Yok Đôn (749) quản lý: Xác lập 01 khu vực vùng cấm gồm 05 vị trí biển báo có tọa độ sau: (21003 79781); (20670 79662); (20231 79968); (20320 80459); (20949 80 512).

- Vùng cấm thuộc khu vực Tiểu đoàn Huấn luyện - Cơ động (d19) quản lý: Xác lập 03 khu vực vùng cấm

+ Khu vực 1: Gồm 05 vị trí biển báo có tọa độ sau: (29903 04020); (29807 03305); (29208 03152); (29015 04152); (29637 03960).

+ Khu vực 2: Gồm 04 vị trí biển báo có tọa độ sau: (32042 02510); (31856 00391); (30899 00767); (30472 01899).

+ Khu vực 3: Gồm 04 vị trí biển báo có tọa độ sau: (33179 05755); (33773 06243); (33513 06825); (32568 06506).